**ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP**

**HƯỚNG DẪN:**

**- Bước 1: Đọc lý thuyết,nội dung kiến thức cơ bản**

**- Bước 2: Áp dụng giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm.**

1. ***LÝ THUYẾT***

**BÀI 31: VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**I. Vai trò và đặc điểm của ngành công nghiệp**

***1. Vai trò***

- Đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Tạo ra các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế.

- Mở rộng thêm danh mục tài nguyên thiên nhiên. Tạo điều kiện sử dụng hợp lý lực lượng lao động.

- Tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho xã hội thông qua sự phát triển khoa học công nghệ.

***2. Đặc điểm***

- Có 3 đặc điểm:

+ Gồm 2 giai đọan

+ Tính tập trung cao độ

+ Nhiều ngành phức tạp, phân công tỉ mỉ, phối hợp chặt chẽ.

- *Phân loại:* 2 nhóm

+ Công nghiệp nặng *(nhóm A):* gồm các ngành sản xuất tư liệu sản xuất

+ Công nghiệp nhẹ *(nhóm B):* sản xuất sản phẩm phục vụ trực tiếp cho con người.

**II. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp**

- Vị trí địa lí: lựa chọn địa điểm, cơ cấu ngành công nghiệp, hình thức tổ chức lãnh thổ.

- Nhân tố tự nhiên: qui mô các xí nghiệp, sự phân bố công nghiệp.

- Kinh tế- xã hội:

+ Dân cư lao động: số lượng và chất lượng lao động có ảnh hưởng tới và phân bố các ngành công nghiệp

+ Tiến bộ khoa học kỉ thuật làm cho việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp làm thay đổi quy luật phân bố các xí nghiệp cn

+ Thị trường: có tác động mạnh mẽ tới việc lựa chọn vị trí XN hướng CMH sản xuất

**Bài 32: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**I. Công nghiệp năng lượng**

**1. Vai trò**

- Ngành kinh tế quan trọng, cơ bản của một quốc gia. Nền sản xuất hiện đại chỉ phát triển đ­ược với sự tồn tại của cơ sở năng l­ượng, là tiền đề của tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Gồm:

+ Công nghiệp khai thác than

+ Công nghiệp khai thác dầu khí

+ Công nghiệp điện lực

***a/ Công nghiệp khai thác than***

- Vai trò

+ Nguồn năng l­ượng cơ bản, xuất hiện rất sớm

+ Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện, luyện kim

+ Nguyên liệu cho CN hóa chất

- Trữ l­ượng: 13.000 tỷ tấn (3/4 than đá). Khai thác 5 tỉ tấn/năm

- N­ước khai thác nhiều là những n­ước có trữ l­ượng lớn: Trung Quốc 1.357 triệu tấn/năm, Hoa Kỳ 992 triệu tấn/năm, Ba Lan, Đức

***b/ CN khai thác dầu khí***

- Vai trò:

+ Nhiên liệu quan trọng (vàng đen)

+ Nguyên liệu cho CN hóa chất

- Trữ l­ượng:

+ 400-500 tỷ tấn (chắc chắn 140 tỷ tấn)

+ Khai thác 3,8 tỷ tấn/năm

+ Nư­ớc khai thác nhiều là các n­ước đang phát triển ở Trung Đông, Bắc Phi và các n­ước Nga, Úc

***c/ Công nghiệp điện lực***

- Vai trò:

+ Cơ sở phát triển ngành công nghiệp hiện đại, đẩy mạnh khoa học kỹ thuật và nâng cao đời sống văn minh.

- Cơ cấu

+ Nhiệt điện

+ Thủy điện

+ Điện nguyên tử

+ Năng l­ượng gió, Mặt Trời

- Sản l­ượng 15.000 tỉ kwh

- Phân bố: các nước phát triển

**II. Công nghiệp luyện kim (giảm tải)**

**III. Công nghiệp cơ khí (giảm tải)**

**IV. Công nghiệp điện tử - tin học**

***1. Vai trò***

- Là thước đo trình độ phát triển kinh tế- kĩ thuật của mọi quốc gia.

***2. Phân loại***

- Máy tính.

- Thiết bị điện tử.

- Điện tử tiêu dùng.

- Thiết bị viễn thông.

***3. Phân bố***

- Đứng đầu là Hoa Kì, Nhật Bản, EU…

**VI. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng**

***1. Vai trò***

Sản phẩm sản xuất ra phục vụ tiêu dùng và đời sống

***2. Đặc điểm***

- Sử dụng nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp

- Cần lao động dồi dào thị trường tiêu thụ rộng lớn

- Cần ít vốn thu hồi vốn nhanh

- Sản xuất đơn giản, nhanh thu lợi, sp có khả năng xuất khẩu

***3. Các ngành chính:*** dệt may, da giày, nhựa, sành sứ, thủy tinh.

***4. Phân bố*:** Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, Nhật Bản…

**VII. Công nghiệp thực phẩm**

***1.Vai trò***

- Đáp ứng nhu cầu ăn uống

- Tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp

- Vai trò chủ đạo đối với các nước đang phát triển

***2. Đặc điểm kinh tế***

- Xây dựng tốn ít vốn đầu tư.

- Quay vòng vốn nhanh.

- Tăng khả năng tích lũy cho nền kinh tế quốc dân.

+ Chia làm 3 ngành chính.

- CN chế biến các sản phẩm từ trồng trọt

- CN chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi.

- CN chế biến thủy sản

**BÀI 33: MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ**

**CÔNG NGHIỆP**

**I. Vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp**

- Sử dụng hợp lí nguồn tái nguyên thiên nhiên, vật chất và lao động.

- Góp phần thực hiện việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá

**II. Một số hình thức của tổ chức lãnh thổ công nghiệp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Khái niệm** | **Đặc điểm** |
| 1. Điểm công nghiệp | - Là hình thức tổ chức đơn giản nhất, trên đó có một hoặc hai xí nghiệp nằm gần nơi có nguồn nguyên liệu, nhiên liệu với chức năng khai thác hay sơ chế nguyên liệu hoặc ở những điểm dân cư nằm trong vùng nguyên liệu nông-lâm- thuỷ sản. | - Gồm nhiều xí nghiệp phân bố lẻ tẻ, phân tán giữa các xí nghiệp ít hoặc không có mối liên hệ sản xuất  - Phân công lao động về mặt địa lí, các xí nghiệp độc lập về kinh tế có công nghệ sản phẩm hoàn chỉnh. |
| 2. Khu công nghiệp tập trung | - Khu vực đất đai có ranh giới nhất định, có kết cấu hạ tầng tương đối tốt và khả năng cạnh tranh thị trường trên thế giới. | - Không có dân sinh sống, vị trí địa lí thuận lợi.  - Tập trung nhiều các xí nghiệp công nghiệp, hợp tác sản xuất cao, có ưu đãi riêng.  - Chi phí sản xuất thấp.  - Dịch vụ trọn gói.  - Môi trường chính trị và pháp luật ổn định. |
| 3. Trung tâm công nghiệp | - Là hình thức tổ chức công nghiệp ở trình độ cao, là khu vực tập trung công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn. | - Gồm nhiều xí nghiệp lớn, có thể xí nghiệp liên hợp, hướng chuyên môn hoá của trung tâm công nghiệp do xí nghiệp này quyết định.  - Các xí nhiệp này dựa trên thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động, vị trí thuận lợi… |
| 4. Vùng công nghiệp | - Đây là hình hình thức tổ chức lãnh thổ cao nhất của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | - Chia làm hai vùng:  + Vùng công nghiệp ngành: Là tập hợp về lãnh thổ các xí nghiệp cùng loại.  + Vùng công nghiệp tổng hợp: Gọi là vùng công nghiệp không gian rộng lớn gồm nhiều xí nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp có mối quan hệ với nhau.  - Có nét tương đồng về tài nguyên, vị trí địa lí, nhiều lao động cùng sử dụng chung năng lượng, giao thông vận tải.  - Có một vài ngành chủ đạo tạo hướng chuyên môn hoá. |

1. **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Ngành khai thác than có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nhiên liệu cho

A. Nhà máy chế biến thực phẩm.

B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim

D. Nhà máy thủy điện, nhà máy điện hạt nhân.

**Câu 2:** Từ dầu mỏ người ta có thể sản xuất ra được nhiều loại như:

A. Hóa phẩm, dược phẩm.

B. Hóa phẩm, thực phẩm.

C. Dược phẩm, thực phẩm.

D. Thực phẩm, mỹ phẩm.

**Câu 3:** Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước ?

A. Điện lực.

B. Sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Chế biến dầu khí.

D. Chế biến nông-lâm-thủy sản.

**Câu 4:** Ở nước ta, vùng than lớn nhất hiện đang khai thác là

A. Lạng Sơn.   B. Hòa Bình.   C. Quảng Ninh.   D. Cà Mau.

**Câu 5:** Ở nước ta hiện nay, dầu mỏ đang khai thác nhiều ở vùng nào?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 6:** Sản lượng điện trên thế giới tập trung chủ yếu ở các nước

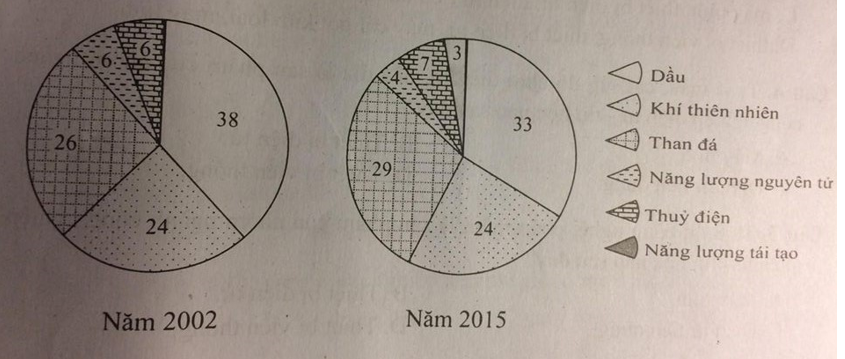
A. Có tiềm năng dầu khí lớn.

B. Phát triển và những nước công nghiệp mới.

C. Có trữ lượng than lớn.

D. Có nhiều sông lớn.

**Câu 7:** Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Sản lượng điện trên thế giới năm 2002 và năm 2015.

B. Cơ cấu sử dụng năng lượng thế giới năm 2002 và năm 2015.

C. Cơ cấu sản lượng điện bình quân đầu người thế giới năm 2002 và năm 2015.

D. Cơ cấu sản lượng điện thế giới năm 2002 và năm 2015.

**Câu 8:** Trong sản xuất công nghiệp, khi tác động vào đối tượng lao động thì sản phẩm sẽ là

A. Tư liệu sản xuất.

B. Nguyên liệu sản xuất.

C. Vật phẩm tiêu dùng.

D. Máy móc.

**Câu 9:** Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với sản xuất nông nghiệp là

A. Có tính tập trung cao độ.

B. Chỉ tập trung vào một thời gian nhất định.

C. Cần nhiều lao động.

D. Phụ thuộc vào tự nhiên.

**Câu 10:** Nghành công nghiệp nào sau đây đòi hỏi phải có không gian sản xuất rộng lớn ?

A. Công nghiệp chế biến.

B. Công nghiệp dệt may.

C. Công nghiệp cơ khí.

D. Công nghiệp khai thác khoáng sản.

**Câu 11:** Ngành công nghiệp nào sau đây cần nhiều đến đội ngũ lao động kĩ thuật cao?

A. Dệt – may.

B. Giày – da.

C. Công nghiệp thực phẩm.

D. Điện tử - tin học.

**Câu 12:** Ngành công nghiệp dệt – may, da – giây thường phân bố ở những nơi có nguồn lao động dồi dào vì

A. Ngành này đòi hỏi nhiều lao động có trình độ.

B. Ngành này đòi hỏi nhiều lao động có chuyên môn sâu.

C. Nhanh này sử dụng nhiều lao động nhưng không đòi hỏi trình độ công nghệ và chuyên môn cao.

D. Sản phẩm của nhanh này phục vụ ngay cho người lao động.

**Câu 13:** Ngành nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới?

A. Công nghiêp cơ khí.

B. Công nghiệp năng lượng.

C. Công nghiệp điện tử - tin học.

D. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 14:** Ngành công nghiệp thực phẩm hiện nay phân bố ở

A. Châu Âu và châu Á.

B. Mọi quốc gia trên thế giới.

C. Châu Phi và châu Mĩ.

D. Châu Đại Dương và châu Á.

**Câu 15:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm chính của khu công nghiệp tập trung?

A. Có rảnh giới rõ ràng, vị trí thuận lợi.

B. C. Tập trung tương đối nhiều xí nghiệp.

D. Sản xuất các sản phẩm dể tiêu dùng, xuất khẩu.

**Câu 16:** Một trong những đặc điểm chinh của khu công nghiệp tập trung là

A. Có các xí nghiệp hạt nhân.

B. Bao gồm 1 đến 2 xí nghiệp đơn lẻ.

C. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

D. Có các xí nghiệp hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

**Câu 17:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất ?

A. Điểm công nghiệp.

B. Khu công nghiệp tập trung.

C. Trung tâm công nghiệp.

D. Vùng công nghiệp.

**Câu 18:** Ở các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam, phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung vì

A. Đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

B. Có nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

C. Có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống.

D. Có nguồn tài nguyên khoang sản phong phú.

**Câu 19:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của điểm công nghiệp ?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư.

B. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

C. Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

D. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp gần nguồn nguyên – nhiên liệu.

**Câu 20:** Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa, đó là đặc điểm nổi bật của.

A. Vùng công nghiệp.

B. Điểm công nghiệp.

C. Trung tâm công nghiệp.

D. Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 21**: Ngành nào **không thuộc** ngành công nghiệp năng lượng

a. khai thác than.

b. khai thác dầu khí.

c. điện lực.

d. điện tử tin học.

**Câu 22**: Ngành công nghiệp nào sau đây **không thuộc** ngành năng lượng

a. khai thác than.

b. khai thác dầu khí.

c. điện lực.

d. lọc dầu.

**Câu 23**: Trong cơ cấu sản lượng điện của thế giới hiện nay, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là

a. than đá.

b. củi gỗ.

c. nguyên tử, thủy điện.

d. các nguồn năng lượng tự nhiên.

**Câu 24:** Những nước sản xuất nhiều than đá là

a. Trung Quốc, Hoa Kì , Nga.

b. Pháp, Anh, Đức.

c. Ba Lan, Ấn Độ, Ôxtrâylia.

d. Hoa Kì, Nga, Anh.

**Câu 25:** Khu vực có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới là

a. Bắc Mỹ .

b. Châu Âu.

c. Trung Đông.

d. Bắc và Trung Phi.

**Câu 26:** Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới

a. cơ khí.

b. hóa chất.

c. điện tử - tin học.

d. năng lượng .

**Câu 27:** Nhận định nào sau đây **chưa** chính xác

a. nước có sản lượng quặng sắt lớn cũng là những nước có sản lượng thép cao.

b. Nhật Bản không có nhiều quặng sắt nhưng dẫn đầu thế giới về sản lượng thép.

c. Braxin có sản lượng quặng sắt lớn nhất thế giới nhưng sản lượng thép thuộc loại thấp.

d. Ôxtrâylia có sản lượng quặng sắt lớn nhưng sản lượng thép không đáng kể.

**Câu 28:** Đa dạng về sản phẩm, không phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu là đặc điểm của ngành công nghiệp

a. hóa chất.

b. sản xuất hàng tiêu dùng.

c. hóa chất.

d. năng lượng.

**Câu 29:** Đặc điểm nào **không đúng** với ngành công nghiệp dệt

a. nguồn nguyên liệu tại chỗ, phong phú.

b. lao động dồi dào, đáp ứng nhu cầu lớn về nhân công.

c. thị trường tiêu thụ rộng lớn vì có dân số đông.

d. đòi hỏi trình độ kĩ thuật cao.

**Câu 30:** Ngành công nghiệp nào thưòng gắn chặt với nông nghiệp

a. cơ khí.

b. hóa chất.

c. năng lượng.

d. chế biến thực phẩm.

**Câu 31**: Ngành công nghiệp được xác định là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của các quốc gia là

a. công nghiệp năng lượng.

b. cơ khí.

c. luyện kim.

d. điện tử tin học.

**Câu 32**: Ngành công nghiệp xuất hiện sớm nhất trên thế giới là

a. khai thác than.

b. khai thác dầu mỏ và khí đốt.

c. điện lực.

d. cơ khí và hóa chất.

**Câu 33**: Nguồn năng lượng nào sau đây được coi là nguồn năng lượng sạch

a. than.

b. dầu mỏ.

c. khí đốt.

d. địa nhiệt.

**Câu 34**: Ngành công nghiệp thường đi trước một bước trong quá trình công nghiệp hóa của các nước làjkjjjjjuy <>>Z>?

a. cơ khí.

c. năng lượng.

b. luyện kim.

d. dệt.

**Câu 35**: Nguồn năng lượng được sử dụng sớm nhất trong việc sử dụng năng lượng của thế giới là

a. than đá.

b. dầu mỏ.

c. sức nước.

d. năng lượng Mặt Trời.

**Câu 36**: Ngành điện nguyên tử rất tiện lợi nhưng lại chậm phát triển, nguyên nhân chính là do

a. thiếu nguồn nguyên liệu.0987tyredfcxv c

b. đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao.

d. năng lượng.

**Câu 38**: Ngành công nghiệp nào sau đây thường được phát triển ở nơi có dân cư đông

a. cơ khí.

b. sản xuất hàng tiêu dùng.

c. hóa chất.

d. năng lượng.

**Câu 39**: Ngành công nghiệp nào sau đây có mặt ở mọi quốc gia trên thế giới

a. dệt may.

b. giày da.

c. thực phẩm.

d. nhựa, thủy tinh.

**Câu 40**: Đâu **không phải** là ưu điểm của ngành dầu khí

a. khả năng sinh nhiệt lớn.

b. dễ vận chuyển.

c. tiện sử dụng cho máy móc.

d. cần lao động có kĩ thuật cao.